ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1337/BC-UBND	*Long Thành Trung, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022

I. Thu ngân sách: *(Biểu số 114/CKTC-NSNN)*

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế năm 2022 là 21.897.869.600 triệu đồng, đạt 142,58% dự toán, so cùng kỳ[1] tăng 56,98 %, cụ thể như sau:

Có 6/10 khoản thu đạt, vượt dự toán gồm:

- Thu từ qũy đất công ích và hoa lợi công sản khác: 180.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 942.365.549 đồng, đạt 269,25% dự toán.
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh: 373.850.000 đồng, đạt 100,5% dự toán.
- Lệ phí trước bạ nhà đất: 2.278.000.000 đồng, đạt 142,38% dự toán.
- Thuế giá trị gia tăng: 6.202.727.282 đồng, đạt 111,98% dự toán.
- Thuế thu nhập cá nhân: 9.852.000.000đồng, đạt 194,32% dự toán.

Bên cạnh đó còn 4/10 khoản thu dưới 100% dự toán:

- Phí, lệ phí: 165.000.000 đồng, đạt 59,90% dự toán.
- Thuế tài nguyên: 5.000.000 đồng, đạt 1,87% dự toán.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.082.000.000 đồng, đạt 70,26 % dự toán.
- Thu khác ngoài quốc doanh: 98.000.000 đồng, đạt 65,33% dự toán.

2. Thu cân đối ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương: 13.423.755.002 đồng đạt 166,24% dự toán, trong đó:

- Thu NSĐP hưởng 100% và thu điều tiết: 8.500.100.000 đồng đạt 127,88% dự toán so với cùng kỳ [2] tăng 67,30%.
- Thu từ kết dư: 341.749.762 đồng.
- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: 3.005.657.240 đồng.

---

1 Tổng thu NSNN trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 31/12/2021: 13.949.502.853 đồng.
2 Thu NSĐP hưởng 100% và thu điều tiết lũy kế đến ngày 31/12/2021: 5.080.665.925 đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 1.576.248.000 đồng.

II. Chi ngân sách: *(Biểu số 115/CKTC-NSNN)*

Các nhiệm vụ chi ngân sách được thực hiện theo dự toán được giao, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi cần thiết khác.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022: 9.655.258.257 đồng, đạt 119,57% dự toán, so cùng kỳ [3] giảm 14,64 %, cụ thể:

1. Chi đầu tư phát triển: không có

2. Chi thường xuyên: 9.574.758.257 đồng.

Ngoài dự toán được phân bổ đầu năm UBND phường đã kịp thời trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách để đảm bảo nguồn lực chi thanh toán cho một số nhiệm vụ dự toán đầu năm chưa bố trí; nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán đầu năm như: kinh phí thực hiện Kế hoạch phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần; kinh phí thực hiện chi tổ chức đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 và phân bổ kết dư ngân sách. Vì vậy năm 2022 có 3 khoản chi vượt 100% so với dự toán như:

- Chi thể dục thể thao: 31.000.000 đồng, đạt 147,62% dự toán.

- Chi cho công tác xã hội: 2.487.000.000 đồng, đạt 998,8% dự toán (Chi hỗ trợ người dân gặp ảnh hưởng do dịch covid-19, số tiền: 2.119.320.000 đồng).

- Chi khác ngân sách: 52.000.000 đồng đạt 144,44% dự toán.

Bên cạnh đó dự toán chi các ngành còn thấp hơn dự toán, do các nguyên nhân: thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn CCTL, tiết kiệm từ thực hiện kiêm nhiệm chức danh, khuyết biên chế, người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc, chưa thu nhận đủ số lượng bảo vệ dân phố theo quy định….

3. Chi dự phòng ngân sách: 80.500.000 đồng % dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2022 của UBND phường Long Thành Trung.

Nơi nhận:
- Phòng TC-KH Thị xã Hòa Thành;
- Đảng ủy-HĐND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- Lưu: VT, TC-KT.

CHỦ TỊCH

UBND PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG TX HÒA THÀNH T. TÂY NINH

Nguyễn Hoàng Sơn

3 Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 31/12/ 2021: 11.310.849.122 đồng.

UBND Phường: Long Thành Trung

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**8.075.000.000**	**13.423.755.002**	**166,24**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	470.000.000	501.057.169	106,61
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.177.000.000	7.999.042.831	129,50
3	Thu bổ sung	1.428.000.000	1.576.248.000	110,38
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*1.403.000.000*	*1.403.000.000*	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	*25.000.000*	*173.248.000*	*692,99*
4	Thu chuyển nguồn		3.005.657.240	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		341.749.762	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**8.075.000.000**	**9.655.258.257**	**119,57**
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	7.914.000.000	9.574.758.257	120,99
3	Dự phòng	161.000.000	80.500.000	50,00

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Phường: Long Thành Trung

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		So sánh %	
		THU NSNN	THU NSX	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu	Thu NS
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**15.358.000.000**	**8.075.000.000**	**21.897.869.600**	**13.423.755.002**	**142,58**	**166,24**
I	**Các khoản thu 100%**	**470.000.000**	**470.000.000**	**501.057.169**	**501.057.169**	**106,61**	**106,61**
1	Phí, lệ phí	290.000.000	290.000.000	165.000.000	165.000.000	56,90	56,90
2	Thu từ qũy đất công ích và hoa lợi công sản khác	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	100,00	100,00
3	Thu từ bán thanh lý tài sản nhà nước						
8	Thu khác			156.057.169	156.057.169		
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**14.888.000.000**	**6.177.000.000**	**21.396.812.431**	**7.999.042.831**	**143,72**	**129,50**
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	350.000.000	350.000.000	942.365.549	942.365.549	269,25	269,25
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh	372.000.000	170.000.000	373.850.000	183.850.000	100,50	108,15
	+ Xã thị trấn quản lý thu	170.000.000	170.000.000	183.850.000	183.850.000	108,15	108,15
	+ Huyện, quản lý thu	202.000.000		190.000.000		94,06	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.600.000.000	1.600.000.000	2.278.000.000	2.278.000.000	142,38	142,38
	- Thu khác ngoài quốc doanh	150.000.000		98.000.000		65,33	
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
	- Thuế giá trị gia tăng	5.539.000.000	3.057.000.000	6.202.727.282	2.930.227.282	111,98	95,85
	+ Doanh nghiệp, luật HTX	2.920.000.000	438.000.000	3.850.000.000	577.500.000	131,85	131,85
	+ Thu từ cá nhân SXKD HH, DV	2.619.000.000	2.619.000.000	2.352.727.282	2.352.727.282	89,83	89,83
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.540.000.000	232.000.000	1.082.000.000	162.300.000	70,26	69,96
	- Thuế TTĐB đối với HHSX trong nước						
	- Thuế TNCN	5.070.000.000	761.000.000	9.852.000.000	1.477.800.000	194,32	194,19
	- Thuế tài nguyên	267.000.000	7.000.000	5.000.000	5.000.000	1,87	71,43
	+Thu từ Doanh nghiệp, luật HTX	260.000.000					
	+Thu từ SXKD HH, DV	7.000.000	7.000.000	5.000.000	5.000.000	71,43	71,43
	- Thu khác ngoài quốc doanh SXKD HH, DV			130.000.000	19.500.000		
	- Thu tiền sử dụng đất			432.719.600			
	- Phí bảo vệ môi trường			150.000			
	- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**				**3.005.657.240**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**-**	**1.428.000.000**	**-**	**1.576.248.000**		
	- Thu bổ sung cân đối		1.403.000.000		1.403.000.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu		25.000.000		173.248.000		

UBND Phường: Long Thành Trung

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XD CB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XD CB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XD CB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**8.075.000.000**	**-**	**8.075.000.000**	**9.655.258.257**	**-**	**9.655.258.257**	**119,57**		**119,57**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hoá, thông tin	192.000.000		192.000.000	145.000.000		145.000.000	75,52		75,52
5	Chi phát thanh, truyền thanh	31.000.000		31.000.000	31.000.000		31.000.000	100,00		100,00
6	Chi thể dục thể thao	21.000.000		21.000.000	31.000.000		31.000.000	147,62		147,62
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	20.000.000		20.000.000	40,00		40,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	125.050.000		125.050.000	430.000.000		430.000.000	343,86		343,86
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.370.750.000		4.370.750.000	4.074.758.257		4.074.758.257	93,23		93,23
10	Chi quốc phòng	1.098.400.000		1.098.400.000	1.095.000.000		1.095.000.000	99,69		99,69
11	Chi an ninh và tật tự an toàn xã hội	1.740.800.000		1.740.800.000	1.209.000.000		1.209.000.000	69,45		69,45
12	Chi cho công tác xã hội	249.000.000		249.000.000	2.487.000.000		2.487.000.000	998,80		998,80
13	Chi khác	36.000.000		36.000.000	52.000.000		52.000.000	144,44		144,44
14	Dự phòng ngân sách	161.000.000		161.000.000	80.500.000		80.500.000	50,00		50,00